

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 7 - 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Lê Duy Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yên, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1980; ĐKHKTT: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Lưu Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trịnh Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, anh chị sống chung cùng gia đình anh H ở thôn L, xã M, huyện T, đến năm 2002 anh chị ở riêng trên đất của bố mẹ anh H. Quá trình chung sống anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, từ khi anh chị ở riêng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không quan tâm đến gia đình dẫn đến thường xuyên xô sát, anh H nhiều lần đánh đuổi chị, chị phải về nhà bố mẹ đẻ chị ở, sau đó vì thương con nên chị quay về chung sống cùng anh H. Chị và gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi, tháng 9/2019 anh H lại đánh đuổi chị, chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã H, huyện T, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai

quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh chị có 04 con chung là Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 26/9/1999; Lưu Thị H, sinh ngày 10/02/2002; Lưu Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/3/2006 và Lưu Anh Đ, sinh ngày 27/11/2012. Hiện cháu Y và cháu H đã thành niên nên chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, cháu Nh và cháu Đ hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nh và cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị S và anh Lưu Ngọc H; giao cho chị S trực tiếp nuôi cháu Nh và cháu Đ; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; chị S phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Ngọc H, anh H có nơi cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh Lưu Ngọc H, mặc dù anh H có mặt tại địa phương và biết việc chị S làm đơn xin ly hôn nhưng anh H cố tình gây khó khăn, không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị S và anh Lưu Ngọc H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cho đến nay anh chị chưa làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn. Do đó, khẳng định chị S và anh H đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 mà không đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "...Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"; "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì

không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Quá trình giải quyết vụ án chị S và địa phương đều xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh H chơi bời, không quan tâm đến gia đình, từ tháng 9/2019 anh chị sống ly thân nhau. Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị S, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị S xác định vợ chồng có 04 con chung. Cháu Lưu Thị Hải Y, sinh ngày 26/9/1999 và cháu Lưu Thị H, sinh ngày 10/02/2002 đã thành niên chị không yêu cầu xem xét giải quyết; cháu Lưu Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/3/2006 và cháu Lưu Anh Đ, sinh ngày 27/11/2012 chị đề nghị được trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện chị S đang trực tiếp nuôi cháu Nh và cháu Đ, các cháu phát triển tâm sinh lý bình thường, chị S có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi hai cháu, các cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị S. Quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc nên cần giao cháu Nh và cháu Đ cho chị S trực tiếp nuôi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của đương sự.

[5]. Về án phí: Chị S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị S và anh Lưu Ngọc H.

2. Giao cho chị Trịnh Thị S trực tiếp nuôi cháu Lưu Thị Thanh Nh, sinh ngày 02/3/2006 và cháu Lưu Anh Đ, sinh ngày 27/11/2012. Anh Lưu Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con; không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số: AA/2017/0007976 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

